BẢNG 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	TRẦN NÃO	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH AN	11.000
2	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	NGÃ TƯ TRẦN NÃO - LƯƠNG ĐỊNH CỦA	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	6.600
3	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
4	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
5	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 2	ĐƯỜNG 5	3.900
6	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
7	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
8	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 8	2.900
9	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 8	2.900
10	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 9	2.900
11	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 13	2.900
12	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 8	3.900
13	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
14	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
15	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 12	ĐƯỜNG 9	3.900
16	ĐƯỜNG SỐ 14, 15 PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 12	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
17	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 14	KHU DỰ ÁN HIM LAM	3.900
18	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	3.900
19	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	3.900
20	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 20	3.900
21	ĐƯỜNG SỐ 19B, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 20	3.900
22	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	GIÁP SÔNG SÀI GÒN	4.300
23	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG SỐ 20	4.300
24	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 21	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
25	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	4.300
26	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 25	3.900
27	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 29	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
28	ĐƯỜNG SỐ 26, 28 PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 25	SÔNG SÀI GÒN	3.900
29	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 25	3.900
30	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	SÔNG SÀI GÒN	3.900
31	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	KHU DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN	3.900
32	ĐƯỜNG SỐ 30B, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 30	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
33	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	SÔNG SÀI GÒN	3.900
34	ĐƯỜNG SỐ 32, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 31	SÔNG SÀI GÒN	3.900
35	ĐƯỜNG SỐ 33, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN HÀ QUANG	3.900
36	ĐƯỜNG SỐ 1, DỰ ÁN THẠNH PHÚ (NHÀ SỐ 1 ĐẾN NHÀ SỐ 9 ĐƯỜNG 33), PHƯỜNG BÌNH AN)	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	4.300
37	ĐƯỜNG SỐ 2, DỰ ÁN THẠNH PHÚ (HẺM SỐ 1 ĐƯỜNG 33, P. BÌNH AN)	ĐƯỜNG SỐ 1	CUỐI ĐƯỜNG	4.300

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
38	ĐƯỜNG SỐ 34, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	SÔNG SÀI GÒN	3.900
39	ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 34	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
40	ĐƯỜNG SỐ 36, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
41	ĐƯỜNG SỐ 37, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 38	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
42	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 37	SÔNG SÀI GÒN	3.900
43	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 34	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
44	ĐƯỜNG SỐ 40, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 37	ĐƯỜNG 39	3.900
45	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 36	ĐƯỜNG 38	3.900
46	ĐƯỜNG SỐ 45, PHƯỜNG BÌNH AN	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN CÔNG TY BÌNH MINH	3.900
47	ĐƯỜNG SỐ 46, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 45	ĐƯỜNG 47	3.900
48	ĐƯỜNG SỐ 47, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 45	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
49	ĐƯỜNG SỐ 48, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 46	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
50	ĐẶNG HỮU PHỔ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG SỐ 39	3.900
51	ĐỖ QUANG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
52	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BÁO CHÍ)	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	3.300
53	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRẦN NGỌC DIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
54	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THƯỚC	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
55	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THƯỚC	CUỐI ĐƯỜNG	5.900
56	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOẢN	CUỐI ĐƯỜNG	5.900
57	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOẢN	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
58	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOẢN	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
59	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOẢN	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
60	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
61	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
62	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	NGUYỄN BÁ HUÂN	3.900
63	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	ĐƯỜNG 48	3.300
64	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
65	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
66	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
67	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59	ĐƯỜNG 66	3.300
68	ĐƯỜNG 48, 59, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
69	ĐƯỜNG 49B, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	SÔNG SÀI GÒN	3.900
70	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THUỶ	LÊ VĂN MIẾN	3.700
71	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 49B	SÔNG SÀI GÒN	3.300
72	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
73	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
74	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 44	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
75	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 55	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
76	ĐƯỜNG 60, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59	RẠCH ÔNG DÍ	3.300
77	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	GIÁP ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 47	3.300
78	ĐƯỜNG 62, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 61	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
79	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 64	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
80	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 66	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
81	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.900

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
82	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	ĐƯỜNG 47	3.300
83	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BÁO CHÍ)	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	3.900
84	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	3.300
85	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN Ư DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
86	ĐƯỜNG SỐ 5, KP 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN Ư DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
87	ĐƯỜNG SỐ 5, KP 3, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐẦU ĐƯỜNG	RẠCH BÁO CHÍ	4.200
88	LÊ THƯỚC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 12	4.200
89	LÊ VĂN MIẾN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN	3.900
90	NGÔ QUANG HUY, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN	4.200
91	NGUYỄN BÁ HUÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
92	NGUYỄN BÁ LÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	XA LỘ HÀ NỘI	4.200
93	NGUYỄN CỪ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THUỶ	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
94	NGUYỄN ĐĂNG GIAI, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	RẠCH ÔNG CHUA	4.200
95	NGUYỄN DUY HIỆU, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
96	NGUYỄN Ư DĨ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRẦN NGỌC DIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
97	NGUYỄN VĂN HƯỞNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THUỶ	THẢO ĐIỀN	4.600
98	QUỐC HƯƠNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 47	4.600
99	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	NGUYỄN VĂN HƯỞNG (TRƯỚC BAN ĐIỀU HÀNH KP3)	7.300
100	TỐNG HỮU ĐỊNH, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN	4.200
101	TRẦN NGỌC DIỆN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	4.600
102	TRÚC ĐƯỜNG (ĐƯỜNG SỐ 3 KHU BÁO CHÍ), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	5.100
103	VÕ TRƯỜNG TOẢN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 11	7.500
		ĐƯỜNG 11	RIVERSIDE	6.200
104	XA LỘ HÀ NỘI	CHÂN CẦU SÀI GÒN	CẦU RẠCH CHIẾC	11.000
105	XUÂN THỦY, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	5.500
		QUỐC HƯƠNG	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	4.800
106	ĐƯỜNG CHÍNH (ĐOẠN 1, DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 12M - 17M, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG VEN SÔNG	3.700
107	ĐƯỜNG NHÁNH CỤT (DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 7M-12M, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
108	AN PHÚ, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	4600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
109	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRƯNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
110	ĐỖ XUÂN HỢP, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG-AN PHÚ	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU NAM LÝ	3.300
111	ĐOÀN HỮU TRƯNG, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		3.900
112	ĐƯỜNG 1 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 15	3.500
113	ĐƯỜNG 2 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
114	ĐƯỜNG 3 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 15	3.500
115	ĐƯỜNG 4 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 14	3.500
116	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 14	3.500
117	ĐƯỜNG 6 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
118	ĐƯỜNG 7 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 8	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
119	ĐƯỜNG 8 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 6	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
120	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 6	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
121	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	3.500
122	ĐƯỜNG 11 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	3.500
123	ĐƯỜNG 12 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 3	3.500
124	ĐƯỜNG 13 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 4	3.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
125	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	3.500
126	ĐƯỜNG 15 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
127	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
128	ĐƯỜNG 1, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 8	4.600
129	ĐƯỜNG 2, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	4.600
130	ĐƯỜNG 2, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
131	ĐƯỜNG 3, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 6 (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
132	ĐƯỜNG 3, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG	4.400
133	ĐƯỜNG 4, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1- ĐƯỜNG H (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
134	ĐƯỜNG 4, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 8	3.300
135	ĐƯỜNG 5, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2- (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
136	ĐƯỜNG 5, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 4	AN PHÚ	3.500
137	ĐƯỜNG 6, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1- ĐƯỜNG H (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
138	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1	ĐOÀN HỮU TRUNG	3.300
139	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	4.400
140	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
141	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
142	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
143	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
144	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	GIANG VĂN MINH	2.600
145	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 13	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
146	ĐƯỜNG 15, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
147	ĐƯỜNG 16, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
148	ĐƯỜNG 17, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
149	ĐƯỜNG 18, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	VÕ TRƯỜNG TOẢN	ĐƯỜNG 20	5.900
150	ĐƯỜNG 19, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	VÕ TRƯỜNG TOẢN	ĐƯỜNG 20	4.600
151	ĐƯỜNG 20, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 18	ĐƯỜNG 19	4.600
152	ĐƯỜNG 21, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	GIANG VĂN MINH	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
153	ĐƯỜNG 22, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 21	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
154	ĐƯỜNG 23, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
155	ĐƯỜNG 24, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
156	ĐƯỜNG 25, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
157	ĐƯỜNG 26, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 29 (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
158	ĐƯỜNG 27, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 26 (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
159	ĐƯỜNG 28, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 27 (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
160	ĐƯỜNG 29, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
161	ĐƯỜNG A2.1, PHƯỜNG AN PHÚ	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG A2.2	5.100
162	ĐƯỜNG A2.10, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.14	ĐƯỜNG A2.15	4.000
163	ĐƯỜNG A2.11, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	ĐƯỜNG A2.15	4.000
164	ĐƯỜNG A2.12, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.14	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
165	ĐƯỜNG A2.13, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.14	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
166	ĐƯỜNG A2.14, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.10	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
167	ĐƯỜNG A2.15, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.10	ĐƯỜNG A2.12	4.000
168	ĐƯỜNG A2.16, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
169	ĐƯỜNG A2.2, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.1	SÔNG GIỒNG	4.000
170	ĐƯỜNG A2.3, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.1	ĐƯỜNG A2.2	4.000
171	ĐƯỜNG A2.4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.2	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
172	ĐƯỜNG A2.5, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.2	ĐƯỜNG A2.4	4.000
173	ĐƯỜNG A2.6, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.4	ĐƯỜNG A2.5	4.000
174	ĐƯỜNG A2.7, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.4	ĐƯỜNG A2.3	4.000
175	ĐƯỜNG A2.8, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.4	ĐƯỜNG A2.5	4.000
176	ĐƯỜNG A2.9, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.2	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
177	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
178	ĐƯỜNG ĐÔNG TÂY I, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	LTL 25B	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
179	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
180	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
181	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
182	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
183	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
184	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	ĐƯỜNG GIẢNG VĂN MINH	CUỐI ĐƯỜNG	11.000
185	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 4	4.000
186	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 8	4.000
187	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG SỐ 10	4.000
188	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 12	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
189	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 10	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
190	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
191	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	ĐƯỜNG SỐ 6	4.000

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
192	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	4.000
193	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	4.000
194	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	4.000
195	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 5	4.000
196	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	4.000
197	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	4.000
198	GIANG VĂN MINH, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	4.600
199	LIÊN TỈNH LỘ 25B	NGÃ 3 CÁT LÁI	NGÃ 3 ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY (DƯỚI CHÂN CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 2), PHƯỜNG AN PHÚ	3.200
		NGÃ 3 ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY (DƯỚI CHÂN CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 2), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	4.000
200	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGÃ BA CÁT LÁI	CẦU GIỒNG ÔNG TỐ	4.000
		CẦU GIỒNG ÔNG TỐ	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	4.900
		ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	PHÀ CÁT LÁI	4.000
201	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG A 1	8.000
202	ĐƯỜNG A 1 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	6.200
203	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SONG HÀNH	ĐƯỜNG SỐ 2	7.500
204	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A1	ĐƯỜNG SỐ 3	6.200
205	ĐƯỜNG SỐ 3 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA TÂY	6.200
206	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	6.200
207	ĐƯỜNG SỐ 4A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	6.100
208	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG TRẦN NÃO	ĐƯỜNG SỐ 8	6.200
209	ĐƯỜNG 6 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 8	CÔNG VIÊN	6.300
210	ĐƯỜNG 7 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 6	6.800
211	ĐƯỜNG 7A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	6.100

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
212	ĐƯỜNG 7B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 7C1	ĐƯỜNG SỐ 7	6.100
213	ĐƯỜNG 7C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	6.100
214	ĐƯỜNG 7C1 , PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7A	ĐƯỜNG SỐ 7C	6.100
215	ĐƯỜNG 8 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SONG HÀNH	ĐƯỜNG SỐ 2	7.500
216	ĐƯỜNG 8A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7C	ĐƯỜNG SỐ 9	6.200
217	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	6.300
218	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA TÂY	6.300
219	ĐƯỜNG 11 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 10	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	6.300
220	ĐƯỜNG 11A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA TÂY	6.300
221	ĐƯỜNG 12 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 37	6.000
222	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SONG HÀNH	ĐƯỜNG SỐ 2	6.500
223	ĐƯỜNG 15 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A1	ĐƯỜNG SỐ 23	6.100
224	ĐƯỜNG 16 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ A 1	ĐƯỜNG SỐ 17	6.300
225	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 14	6.800
226	ĐƯỜNG 18 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 17	ĐƯỜNG SỐ 20	6.800
227	ĐƯỜNG 18A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 18	6.100
228	ĐƯỜNG 19 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 22	6.100
229	ĐƯỜNG 19A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 19	ĐƯỜNG SỐ 23	6.100
230	ĐƯỜNG SỐ 20 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 17	CUỐI ĐƯỜNG	6.100
231	ĐƯỜNG SỐ 21 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 14	ĐƯỜNG SỐ 22	6.200
232	ĐƯỜNG SỐ 22 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 16	6.200
233	ĐƯỜNG SỐ 23 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 19	6.100
234	ĐƯỜNG SỐ 24 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
235	ĐƯỜNG SỐ 24A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 24	ĐƯỜNG SỐ 25	6.200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
236	ĐƯỜNG SỐ 24B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 24	ĐƯỜNG SỐ 25	6.200
237	ĐƯỜNG SỐ 25 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
238	ĐƯỜNG SỐ 27 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 30	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
239	ĐƯỜNG SỐ 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐƯỜNG SỐ 31C	6.200
240	ĐƯỜNG SỐ 29 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
241	ĐƯỜNG SỐ 30 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A 1	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	6.100
242	ĐƯỜNG SỐ 31 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 30	ĐƯỜNG SỐ 32	6.000
243	ĐƯỜNG SỐ 31A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	CUỐI ĐƯỜNG	6.000
244	ĐƯỜNG SỐ 31B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	CUỐI ĐƯỜNG	6.000
245	ĐƯỜNG SỐ 31C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	CUỐI ĐƯỜNG	6.000
246	ĐƯỜNG SỐ 31D (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	CUỐI ĐƯỜNG	6.000
247	ĐƯỜNG SỐ 31E (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐƯỜNG SỐ 28	6.000
248	ĐƯỜNG SỐ 31F (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐƯỜNG SỐ 28	6.000
249	ĐƯỜNG SỐ 32 (DỰ ÁN 131HA),PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 30	6.000
250	ĐƯỜNG SỐ 33 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 34B	6.000
251	ĐƯỜNG SỐ 34 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 4A	CUỐI ĐƯỜNG	6.000
252	ĐƯỜNG SỐ 34A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 33	ĐƯỜNG SỐ 34	6.000
253	ĐƯỜNG SỐ 34B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
254	ĐƯỜNG SỐ 35 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 37	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	6.000
255	ĐƯỜNG SỐ 35A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 35	CUỐI ĐƯỜNG	6.000
256	ĐƯỜNG SỐ 36 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐƯỜNG SỐ 35	6.000
257	ĐƯỜNG SỐ 36A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 36	ĐƯỜNG SỐ 31A	6.000
258	ĐƯỜNG SỐ 36B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 36	ĐƯỜNG SỐ 31A	6.000
259	ĐƯỜNG SỐ 36C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 36	ĐƯỜNG SỐ 31A	6.000

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
260	ĐƯỜNG SỐ 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 30	6.200
261	ĐƯỜNG 2, 3, 5 PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
262	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 17	2.600
		ĐƯỜNG 17	NGUYỄN VĂN GIÁP	2.400
263	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 9	2.600
		ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 17	2.600
264	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 17	2.200
265	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
266	ĐƯỜNG 10, 11, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 18	2.600
267	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	GIÁO XỨ MỸ HOÀ	2.600
268	ĐƯỜNG 13, 15, 16, 17 PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 18	2.600
269	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HOÀ	ĐƯỜNG 18	2.600
270	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 10	ĐƯỜNG 17	2.200
271	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 11	2.600
272	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 24	2.600
273	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 23	2.600
		ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 37	2.200
274	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 28	1.800
275	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 31	2.600
276	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 23	2.900
277	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
278	ĐƯỜNG 26, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 27	ĐƯỜNG 25	1.800
279	ĐƯỜNG 27, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
280	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 24	2.600
281	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	ĐƯỜNG 21	2.600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
282	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31	2.600
283	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 23	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
284	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31	2.600
285	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CÔNG TY THỦ THIÊM	2.600
		KHU DÂN CƯ HIỆN HỮU	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	3.100
286	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CÔNG TY THỦ THIÊM	2.600
287	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 13	ĐƯỜNG 17	2.400
288	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
289	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT	2.600
290	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
291	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	1.800
292	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT	ĐƯỜNG 42	2.100
293	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	ĐƯỜNG 6	2.600
294	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	KHU 154HA	2.600
295	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	KHU 154HA	2.600
296	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 48	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
297	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 50	3.700
298	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46	HẺM 37 ĐƯỜNG 49	2.600
299	ĐƯỜNG 49, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	SÔNG GIỒNG ÔNG TỐ	3.700
300	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46	ĐƯỜNG 49	2.600
301	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	3.100
302	ĐƯỜNG 52, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51	ĐỖ XUÂN HỢP	3.100

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
303	ĐƯỜNG 53, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 52	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	3.100
304	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	KHU DÂN CƯ HIỆN HỮU	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	3.100
305	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 54	ĐƯỜNG 33	3.100
306	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 52	ĐƯỜNG 55	3.100
307	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 52	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
308	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY THÁI DƯƠNG, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CTY KHANG ĐIỀN	3.300
309	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THỦ THIÊM, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	DỰ ÁN TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
310	ĐƯỜNG SỐ 1 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG SỐ 8	3.300
311	ĐƯỜNG SỐ 2 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
312	ĐƯỜNG SỐ 3 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 2	3.100
313	ĐƯỜNG SỐ 4 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 3	3.100
314	ĐƯỜNG SỐ 5 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 2	ĐƯỜNG 8	3.100
315	ĐƯỜNG SỐ 6 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 1	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
316	ĐƯỜNG SỐ 8 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 1	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
317	ĐƯỜNG VEN SÔNG THUỘC DỰ ÁN CTY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ PHÚ NHUẬN	DỰ ÁN TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI	DỰ ÁN THUỘC CTY THỦ THIÊM	3.100
318	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 42	3.100

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
319	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG BÌNH TRƯNG	HẺM 112, ĐƯỜNG 42	2.600
		HẺM 112, ĐƯỜNG 42	ĐƯỜNG 6	3.000
		ĐƯỜNG 6	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN 154HA	2.600
320	ĐƯỜNG BÌNH TRƯNG, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN VĂN GIÁP	1.800
321	ĐƯỜNG D1 THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
322	ĐƯỜNG D2 THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG VEN SÔNG THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
323	ĐƯỜNG D3 THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 49	ĐƯỜNG VEN SÔNG THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN	3.100
324	ĐƯỜNG D5 THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
325	ĐƯỜNG V2 THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
326	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	2.200
327	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
328	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	2.000
329	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
330	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG 23	2.000
331	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
332	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 6	2.200
333	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
334	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGUYỄN TƯ NGHIÊM	2.200
335	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
336	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
337	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	BÌNH TRƯNG	ĐƯỜNG 27	2.600
338	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
339	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
340	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	BÌNH TRƯNG	ĐƯỜNG 39	2.200
		ĐƯỜNG 39	ĐƯỜNG 30	2.200
341	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 39	ĐƯỜNG 42	1.800
342	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
343	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 14	ĐƯỜNG 39	2.200
344	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
345	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 33	2.200
346	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.800
347	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
348	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	SÔNG GIỒNG ÔNG TỐ	1.800
349	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
350	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 28	1.800
351	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.800
352	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 22	ĐƯỜNG 38	1.800
353	ĐƯỜNG 22 KHU PHỐ 1, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 21	1.800
354	ĐƯỜNG 22, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
355	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
356	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG 34	1.800
357	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.800
358	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	KHU TUỔI TRẺ	1.800
359	ĐƯỜNG 30 PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	BÌNH TRƯNG	NGUYỄN TƯ NGHIÊM	1.800
360	ĐƯỜNG 31 PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN TUYỂN	ĐƯỜNG 13	1.800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
361	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI-PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
362	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 13	LÊ VĂN THỊNH	1.800
363	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 5	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	1.800
364	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN TUYỂN	NGUYỄN DUY TRINH	2.000
365	ĐƯỜNG 36, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
366	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 13	ĐƯỜNG 35	1.800
367	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 1	ĐƯỜNG 19	1.800
368	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 10	LÊ VĂN THỊNH	1.800
369	ĐƯỜNG BÌNH TRƯNG (PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY - CÁT LÁI)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10	2.200
370	ĐƯỜNG D10 (10M), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (TUỔI TRẺ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
371	ĐƯỜNG D14 (14M), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (TUỔI TRẺ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
372	ĐƯỜNG D16 (16M), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
373	ĐƯỜNG SỐ 2 PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
374	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 27	1.800
375	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	BÌNH TRƯNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
376	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
377	ĐƯỜNG SỐ 26, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
378	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	BÌNH TRƯNG	ĐƯỜNG 8	1.800
379	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 4	1.800
380	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 11	ĐƯỜNG 39	1.800
381	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	2.900
382	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU GIỒNG ÔNG TỐ	CẦU XÂY DỰNG	3.300
383	NGUYỄN TƯ NGHIÊM, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH		2.900

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
384	NGUYỄN TUYỂN, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
385	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	TRỊNH KHẮC LẬP	3.300
386	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 6	3.300
387	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	LIÊN TỈNH LỘ 25B	TRỊNH KHẮC LẬP	2.600
388	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 3	2.200
389	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 4	3.300
390	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	LIÊN TỈNH LỘ 25B	THÍCH MẬT THỂ	2.800
391	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18	3.100
392	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	RẠCH BẾN DỐC	3.100
393	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18	2.200
394	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
395	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
396	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
397	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
398	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
399	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
400	THẠNH MỸ LỢI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 16	3.000
401	THÍCH MẬT THỂ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 16	LIÊN TỈNH LỘ 25B	3.000
402	TRỊNH KHẮC LẬP, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LIÊN TỈNH LỘ 25B	3.500
403	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10	2.600
404	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
405	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CÔNG TY PETEC	2.600
406	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
407	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
408	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
409	ĐƯỜNG 12, 13, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		2.300
410	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	2.400
411	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	2.400
412	ĐƯỜNG 26, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG SỐ 25	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	2.600
413	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	2.300
414	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ VĂN THỊNH NỐI DÀI	2.500
415	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	2.300
416	LÊ PHỤNG HIỂU, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CẢNG CÁT LÁI	2.600
417	LÊ VĂN THỊNH NỐI DÀI, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGÃ 3 ĐƯỜNG LÊ VĂN THỊNH-ĐƯỜNG 22	ĐƯỜNG SỐ 5	2.600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
418	LÊ ĐÌNH QUẢN, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG 28	2.600
419	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
420	HẺM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 42	NGUYỄN VĂN GIÁP	3000
421	ĐƯỜNG 3A (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
422	ĐƯỜNG A1 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
423	ĐƯỜNG A2 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
424	ĐƯỜNG A3 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
425	ĐƯỜNG A4 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
426	ĐƯỜNG A5 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
427	ĐƯỜNG A6 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
428	ĐƯỜNG A7 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
429	ĐƯỜNG A8 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
430	ĐƯỜNG A9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
431	ĐƯỜNG B1 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
432	ĐƯỜNG B2 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
433	ĐƯỜNG B3 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
434	ĐƯỜNG B4 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
435	ĐƯỜNG B5 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
436	ĐƯỜNG B6 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
437	ĐƯỜNG B7 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
438	ĐƯỜNG B8 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
439	ĐƯỜNG B9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
440	ĐƯỜNG C5 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
441	ĐƯỜNG C6 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
442	ĐƯỜNG C7 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
443	ĐƯỜNG C8 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
444	ĐƯỜNG C9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
445	ĐƯỜNG C10 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
446	ĐƯỜNG E1 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
447	ĐƯỜNG E2 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
448	ĐƯỜNG E3 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
449	ĐƯỜNG E4 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
450	ĐƯỜNG E5 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
451	ĐƯỜNG E6 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
452	ĐƯỜNG E7 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
453	ĐƯỜNG E8 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
454	ĐƯỜNG E9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
455	ĐƯỜNG E10 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
456	ĐƯỜNG F1 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
457	ĐƯỜNG F2 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
458	ĐƯỜNG F3 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
459	ĐƯỜNG F4 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
460	ĐƯỜNG F5 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
461	ĐƯỜNG F6 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
462	ĐƯỜNG F7 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
463	ĐƯỜNG F8 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
464	ĐƯỜNG F9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
465	ĐƯỜNG 8 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 69	3.200
466	ĐƯỜNG 16 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 45	2.900
467	ĐƯỜNG 18 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 23	3.200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
468	ĐƯỜNG 21 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 23	2.900
469	ĐƯỜNG 23 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		3.200
470	ĐƯỜNG 35 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 44	3.200
471	ĐƯỜNG 37 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 54	2.900
472	ĐƯỜNG 39 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 54	2.900
473	ĐƯỜNG 41 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 54	2.900
474	ĐƯỜNG 43 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
475	ĐƯỜNG 44 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 49	ĐƯỜNG 69	3.200
476	ĐƯỜNG 45 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 16	ĐƯỜNG 56	2.900
477	ĐƯỜNG 47 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 56	ĐƯỜNG 67	2.900
478	ĐƯỜNG 49 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 44	2.900
479	ĐƯỜNG 50 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 41	ĐƯỜNG 45	2.900
480	ĐƯỜNG 51 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 47	2.900
481	ĐƯỜNG 53 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 47	ĐƯỜNG 44	2.900
482	ĐƯỜNG 54 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 35	ĐƯỜNG 45	2.900
483	ĐƯỜNG 55 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 57	2.900
484	ĐƯỜNG 56 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 47	ĐƯỜNG 69	2.900
485	ĐƯỜNG 58 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 47	ĐƯỜNG 69	2.900
486	ĐƯỜNG 59 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 58	ĐƯỜNG 44	2.900
487	ĐƯỜNG 60 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 47	ĐƯỜNG 67	2.900
488	ĐƯỜNG 61 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 63	2.900
489	ĐƯỜNG 63 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 61	ĐƯỜNG 44	2.900
490	ĐƯỜNG 65 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 44	2.900
491	ĐƯỜNG 67 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 58	ĐƯỜNG 44	2.900

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
492	ĐƯỜNG 69 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 44	3.200
493	ĐẠI LỘ ĐÔNG - TÂY	HẦM THỦ THIÊM	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	6.000
494	ĐƯỜNG 10A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG 11A	6.000
495	ĐƯỜNG SỐ 12A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 37	6.000
496	ĐƯỜNG SỐ 26 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 30	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
497	ĐƯỜNG SỐ 27A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 27	ĐƯỜNG SỐ 26	6.200
498	ĐƯỜNG D1 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM), PHƯỜNG BÌNH AN	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	ĐƯỜNG SỐ 16	3.900
499	ĐƯỜNG D2 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM), PHƯỜNG BÌNH AN	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
500	ĐƯỜNG D3 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM), PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG D2 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM)	CUỐI ĐƯỜNG	3.700
501	ĐƯỜNG D4 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM), PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG D1 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM)	ĐƯỜNG D2	3.700
502	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	LÊ VĂN THỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.300
503	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 3 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2)	CUỐI ĐƯỜNG	2.100
504	ĐƯỜNG SỐ 3 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2)	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2)	2.100

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ